

DỰ THẢO:



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

QCVN.....:202x/BVHTTDL

QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA

**VỀ AN TOÀN ĐỐI VỚI TRANG THIẾT BỊ BẢO VỆ TRONG
VÕ THUẬT**

***National technical regulation on Safety of Protective equipment for
martial arts***

HÀ NỘI - 2023

Lời nói đầu

QCVN xx:2023/BVHTTDL do Trường Đại học Thể dục thể thao thành phố Hồ Chí Minh biên soạn, Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường trình duyệt, Bộ Khoa học và Công nghệ thẩm định, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành theo Thông tư sốxxx/202x/TT-BVHTTDL ngày x tháng x năm 202x.

Mục lục

	Trang
Lời nói đầu.....	3
1. QUY ĐỊNH CHUNG	5
1.1 Phạm vi điều chỉnh.....	5
1.2 Đối tượng áp dụng.....	5
1.3 Tài liệu viện dẫn	5
1.4 Giải thích từ ngữ	6
2. QUY ĐỊNH VỀ KỸ THUẬT	8
3. QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ	10
4. CHỈ ĐỊNH TỔ CHỨC CHỨNG NHẬN HỢP QUY, TỔ CHỨC THỬ NGHIỆM	11
5. TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG CHỨNG NHẬN HỢP QUY VÀ CÔNG BỐ HỢP QUY	12
6. TỔ CHỨC THỰC HIỆN	13

QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA
VỀ AN TOÀN ĐỐI VỚI TRANG THIẾT BỊ BẢO VỆ TRONG VÕ THUẬT
National technical regulation on Safety of Protective equipment for martial arts

1. QUY ĐỊNH CHUNG

1.1 Phạm vi điều chỉnh

Quy chuẩn kỹ thuật này quy định các mức giới hạn đối với các chỉ tiêu kỹ thuật và các yêu cầu về quản lý an toàn đối với trang thiết bị bảo vệ trong võ thuật được sử dụng tại các cơ sở tập luyện và thi đấu.

1.2 Đối tượng áp dụng

1.2.1 Quy chuẩn kỹ thuật này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu, phân phối, bán lẻ trang thiết bị bảo vệ trong võ thuật, các cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

1.2.2 Các tổ chức thử nghiệm, tổ chức chứng nhận hợp quy thực hiện việc đánh giá, chứng nhận trang thiết bị bảo vệ trong võ thuật.

1.3 Tài liệu viện dẫn

Các tài liệu viện dẫn sau rất cần thiết cho việc áp dụng quy chuẩn này. Đối với các tài liệu viện dẫn ghi năm công bố thì áp dụng phiên bản được nêu. Đối với các tài liệu viện dẫn không ghi năm công bố thì áp dụng phiên bản mới nhất bao gồm cả các sửa đổi, bổ sung (nếu có). Trường hợp các tiêu chuẩn được viện dẫn trong quy chuẩn này có sự thay đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo quy định trong văn bản mới.

TCVN 13317-1:2021 (ISO 21924-1:2017) Thiết bị bảo vệ trong võ thuật - Phần 1: Yêu cầu chung và phương pháp thử.

TCVN 13317-2:2021 (ISO 21924-2:2017) Thiết bị bảo vệ trong võ thuật - Phần 2: Yêu cầu bổ sung và phương pháp thử đối với thiết bị bảo vệ mu bàn chân, bảo vệ cẳng chân và bảo vệ cẳng tay.

TCVN 13317-3:2021 (ISO 21924-3:2017) Thiết bị bảo vệ trong võ thuật - Phần 3: Yêu cầu bổ sung và phương pháp thử đối với thiết bị bảo vệ thân người (giáp ngực).

TCVN 13317-4:2021 (ISO 21924-4:2017) Thiết bị bảo vệ trong võ thuật - Phần 4: Yêu cầu bổ sung và phương pháp thử đối với thiết bị bảo vệ đầu.

TCVN 13317-5:2021 (ISO 21924-5:2017) Thiết bị bảo vệ trong võ thuật - Phần 5: Yêu cầu bổ sung và phương pháp thử đối với thiết bị bảo vệ bộ phận sinh dục và bảo vệ vùng bụng.

TCVN 13317-6:2021 (ISO 21924-6:2017) Thiết bị bảo vệ trong võ thuật - Phần 6: Yêu cầu bổ sung và phương pháp thử đối với thiết bị bảo vệ ngực của nữ.

TCVN 13317-7:2021 (ISO 21924-7:2017) Thiết bị bảo vệ trong võ thuật - Phần 7: Yêu cầu bổ sung và phương pháp thử đối với thiết bị bảo vệ bàn tay và bàn chân.

TCVN 13832:2023 (ISO 20739: 2019) Võ thuật – Võ phục wushu taiji - Yêu cầu và phương pháp thử.

TCVN 13834-9:2023 (ISO 21924-9:2020) Võ thuật - Thiết bị bảo vệ trong võ thuật - Phần 9: Yêu cầu bổ sung và phương pháp thử đối với thiết bị bảo vệ đầu wushu sanda.

1.4 Giải thích từ ngữ

Trong quy chuẩn này, sử dụng các thuật ngữ và định nghĩa dưới đây:

1.4.1 Thiết bị bảo vệ trong võ thuật (protective equipment for martial arts)

Thiết bị được mặc lên cơ thể chủ yếu để bảo vệ chống lại tác động của ngoại lực và các dạng năng lượng khác trong võ thuật.

1.4.2 Vùng bảo vệ (zone of protection)

Vùng mà các thiết bị bảo vệ bảo đảm an toàn cho người mặc dành cho bộ môn võ thuật.

1.4.3 Thiết bị bảo vệ bộ phận sinh dục (genital protector)

Thiết bị được mặc để bảo vệ bộ phận sinh dục khỏi các tác động.

1.4.4 Thiết bị bảo vệ vùng bụng (abdominal protector)

Thiết bị được mặc để bảo vệ vùng bụng phía dưới eo khỏi các tác động.

1.4.5 Vòng ngực dưới (under bust girth)

Vòng đai nằm ngang cơ thể ngay phía dưới ngực được đo để lấy vòng ngực.

1.4.6 Thiết bị bảo vệ bàn tay (hand protector)

Dụng cụ được đeo vào tay để bảo vệ người sử dụng khỏi bị chấn thương gây ra do các cú ra đòn với người khác hoặc dụng cụ tập luyện.

1.4.7 Thiết bị bảo vệ chân (foot protector)

Dụng cụ dùng để bảo vệ toàn bộ bàn chân (không bao gồm lòng bàn chân) khỏi bị chấn thương gây ra do các cú ra đòn với người khác hoặc dụng cụ tập luyện.

1.4.8 Võ phục Wushu Taiji (Wushu Taiji clothing)

Trang phục để luyện tập và biểu diễn môn thể thao Wushu Taiji, với các đặc điểm như cổ áo đứng kiểu Trung Quốc (1.3.9), tay áo liền (1.3.11) và nút áo kiểu Trung Quốc (3.3) (Xem Hình 1 - TCVN 13832:2023).

1.4.9 Cổ áo đứng kiểu Trung Quốc (Chinese stand collar)

Cổ áo tròn, đứng, bao quanh toàn bộ cổ, với các góc lượn tròn (Xem Hình 2 - TCVN 13832:2023).

1.4.10 Nút áo kiểu Trung Quốc (Chinese frog button)

Nút làm thủ công và thắt nút hình chữ nhất trong bộ chữ Hán (Xem Hình 3 - TCVN 13832:2023).

1.4.11 Tay áo liền khối (monolithic even sleeve)

Tay áo, là phần nối của ống tay và vai (Xem Hình 4 - TCVN 13832:2023).

1.4.12 Vạt trước (placket)

Phần mở phía trước áo (Xem Hình 5 - TCVN 13832:2023).

1.4.13 Đối khâm (duijin)

Hai bên của vạt trước (1.3.12), liền nhau mà không chồng lên nhau (Xem Hình 6 - TCVN 13832:2023).

1.4.14 Tay áo phồng (lantern sleeve)

Tay áo kiểu đèn lồng

Tay áo trông giống như chiếc đèn lồng (Xem Hình 7 - TCVN 13832:2023).

1.4.15 Quần ống phồng (bloomers)

Quần buộc túm trông giống như chiếc đèn lồng (Xem Hình 8 - TCVN 13832:2023).

1.4.16 Thiết bị bảo vệ đầu trong Wushu Sanda (Wushu Sanda head protector)

Thiết bị để bảo vệ đầu khi luyện tập, biểu diễn hoặc diễn tập môn Wushu Sanda (Xem Hình 1 - TCVN 13317-9:2023).

1.4.17 Thân chính (main body)

Phần bảo vệ trán và hai bên đầu (Xem Hình 2 - TCVN 13317-9:2023).

1.4.18 Thiết bị bảo vệ phía sau đầu (protector of the back of the head)

Phần bảo vệ phía sau đầu (Xem Hình 3 - TCVN 13317-9:2023).

1.4.19 Thiết bị bảo vệ tai (ear protector)

Phần bảo vệ đôi tai (Xem Hình 4 - TCVN 13317-9:2023).

1.4.20 Dây đeo khóa (locking strap)

Phần dưới cùng của thiết bị bảo vệ đầu, là một phần của hệ thống làm cố định cho mũ (Xem Hình 5 - TCVN 13317-9:2023).

1.4.21 Băng dính gai velcro (hook and loop fastener)

Phần phía sau thiết bị bảo vệ đầu, là một phần của hệ thống cố định (Xem Hình 6 - TCVN 13317-9:2023).

1.4.22 Miếng đậy (Top cover)

Phần trên cùng của thiết bị bảo vệ đầu, là một phần của hệ thống cố định (Xem Hình 7 - TCVN 13317-9:2023).

2. QUY ĐỊNH VỀ KỸ THUẬT

2.1 Các thiết bị bảo vệ trong võ thuật ngoài việc tuân thủ các yêu cầu an toàn chung theo TCVN 13317-1:2021 (ISO 21924-1:2017) còn phải tuân thủ theo các yêu cầu an toàn riêng bổ sung theo quy định trong Bảng 1.

Các yêu cầu trong các tiêu chuẩn cụ thể của bộ TCVN: TCVN 13317-2:2021, TCVN 13317-3:2021, TCVN 13317-4:2021, TCVN 13317-5:2021, TCVN 13317-6:2021, TCVN 13317-7:2021, TCVN 13832:2023, TCVN 13834-9:2023 được ưu tiên hơn các yêu cầu tương ứng của TCVN 13317-1:2021.

2.2 Mọi phụ kiện kèm theo (nếu có) được cung cấp cùng với trang thiết bị bảo vệ trong võ thuật để thực hiện các bài tập bổ sung phải tuân theo các yêu cầu của TCVN 13317-1:2021 (ISO 21294-1:2017).

2.3 Các trang thiết bị bảo vệ trong võ thuật phải được kiểm tra các chỉ tiêu kỹ thuật theo các phương pháp thử tương ứng và phải thỏa mãn mức yêu cầu quy định trong Bảng 1.

Bảng 1 - Danh mục trang thiết bị bảo vệ trong võ thuật

TT	Tên sản phẩm	Chỉ tiêu kỹ thuật	Mức yêu cầu	Phương pháp thử	Mã HS
----	--------------	-------------------	-------------	-----------------	-------

TT	Tên sản phẩm	Chỉ tiêu kỹ thuật	Mức yêu cầu	Phương pháp thử	Mã HS
1	Thiết bị bảo vệ trong võ thuật	1. Độ bền màu	Theo Khoản 4.2 TCVN 13317-1:2021	Theo Khoản 5.3 TCVN 13317-1:2021	9506.91.00
		2. Đai chằng	Theo Khoản 4.3 TCVN 13317-1:2021	Theo Khoản 5.4 TCVN 13317-1:2021	
		3. Vùng bảo vệ	Theo Khoản 4.5 TCVN 13317-1:2021	Theo Khoản 5.5 TCVN 13317-1:2021	
		4. Tính năng chống va đập	Theo Khoản 4.6 TCVN 13317-1:2021	Theo Khoản 5.6 TCVN 13317-1:2021	
2	Thiết bị bảo vệ mu bàn chân, bảo vệ cẳng chân và bảo vệ cẳng tay	1. Kích cỡ	Theo Khoản 4.1 TCVN 13317-2:2021	Theo Khoản 5.1 TCVN 13317-1:2021	9506.91.00
		2. Sự kết hợp	Theo Khoản 4.2 TCVN 13317-2:2021	Theo Khoản 5.2 TCVN 13317-1:2021	
		3. Đai chằng	Theo Khoản 4.3 TCVN 13317-2:2021	Theo Khoản 5.3 TCVN 13317-2:2021	
		4. Vùng bảo vệ	Theo Khoản 4.4 TCVN 13317-2:2021	Theo Khoản 5.4 TCVN 13317-2:2021	
		5. Tính năng chống va đập	Theo Khoản 4.5 TCVN 13317-2:2021	Theo Khoản 5.5 TCVN 13317-2:2021	
3	Thiết bị bảo vệ thân người (giáp ngực)	1. Đai chằng	Theo Khoản 4.3 TCVN 13317-3:2021	Theo Khoản 5.3 TCVN 13317-3:2021	9506.91.00
		2. Vùng bảo vệ	Theo Khoản 4.4 TCVN 13317-3:2021	Theo Khoản 5.4 TCVN 13317-3:2021	
		3. Tính năng chống va đập	Theo Khoản 4.5 TCVN 13317-3:2021	Theo Khoản 5.5 TCVN 13317-3:2021	
		4. Khối lượng và độ dày	Theo Khoản 4.6 TCVN 13317-3:2021		
4	Thiết bị bảo vệ đầu	1. Các khe hở	Theo Khoản 4.2 TCVN 13317-4:2021	Theo Khoản 5.6 TCVN 13317-4:2021	9506.91.00
		2. Khối lượng	Theo Khoản 4.3 TCVN 13317-4:2021		
		3. Kích cỡ	Theo Khoản 4.4 TCVN 13317-4:2021	Theo Khoản 5.1 TCVN 13317-1:2021	
		4. Tầm nhìn	Theo Khoản 4.5 TCVN 13317-4:2021	Theo Khoản 5.4 TCVN 13317-4:2021	
		5. Đai chằng	Theo Khoản 4.6 TCVN 13317-4:2021	Theo Khoản 5.5 TCVN 13317-4:2021	
		6. Vùng bảo vệ	Theo Khoản 4.7 TCVN 13317-4:2021	Theo Khoản 5.6 TCVN 13317-4:2021	
		7. Tính năng chống va đập	Theo Khoản 4.8 TCVN 13317-4:2021	Theo Khoản 5.5 TCVN 13317-3:2021	
5	Thiết bị bảo vệ bộ phận sinh dục và thiết bị bảo vệ vùng bụng	1. Kích cỡ	Theo Khoản 4.2 TCVN 13317-5:2021	Theo Khoản 5.1 TCVN 13317-1:2021	9506.91.00
		2. Sự kết hợp	Theo Khoản 4.4 TCVN 13317-5:2021	Theo Khoản 5.2 TCVN 13317-1:2021	
		3. Đai chằng	Theo Khoản 4.5 TCVN 13317-5:2021	Theo Khoản 5.4 TCVN 13317-5:2021	
		4. Vùng bảo vệ	Theo Khoản 4.3 TCVN 13317-5:2021	Theo Khoản 5.5 TCVN 13317-5:2021	
		5. Tính năng chống va đập	Theo Khoản 4.6 TCVN 13317-5:2021	Theo Khoản 5.6 TCVN 13317-5:2021	
6	Thiết bị bảo vệ ngực của nữ	1. Kích cỡ	Theo Khoản 4.2 TCVN 13317-6:2021	Theo Khoản 5.1 TCVN 13317-1:2021	9506.91.00
		2. Sự kết hợp	Theo Khoản 4.3 TCVN 13317-6:2021	Theo Khoản 5.2 TCVN 13317-1:2021	
		3. Đai chằng	Theo Khoản 4.4 TCVN 13317-6:2021	Theo Khoản 5.4 TCVN 13317-6:2021	

TT	Tên sản phẩm	Chỉ tiêu kỹ thuật	Mức yêu cầu	Phương pháp thử	Mã HS
		4. Vùng bảo vệ	Theo Khoản 4.5 TCVN 13317-6:2021	Theo Khoản 5.5 TCVN 13317-6:2021	
		5. Tính năng chống va đập	Theo Khoản 4.6 TCVN 13317-6:2021	Theo Khoản 5.6 TCVN 13317-6:2021	
7	Thiết bị bảo vệ bàn tay và bảo vệ bàn chân	1. Kích cỡ	Theo Khoản 5.2 TCVN 13317-7:2021	Theo Khoản 5.1 TCVN 13317-1:2021	9506.91.00
		2. Sự kết hợp	Theo Khoản 5.3 TCVN 13317-7:2021	Theo Khoản 5.2 TCVN 13317-1:2021	
		3. Đai chằng	Theo Khoản 5.4 TCVN 13317-7:2021	Theo Khoản 6.3 TCVN 13317-7:2021	
		4. Vùng bảo vệ	Theo Khoản 5.5 TCVN 13317-7:2021	Theo Khoản 6.5 TCVN 13317-7:2021	
		5. Tính năng chống va đập	Theo Khoản 5.6 TCVN 13317-7:2021	Theo Khoản 6.4 TCVN 13317-7:2021	
8	Võ phục Wushu Taiji	1. Vật liệu và độ bền màu	Theo Khoản 5.1 TCVN 13832:2023	Theo Khoản 5.3 TCVN 13317-1:2021	6211.39.90
		2. Số đo và kích thước	Theo Khoản 5.3 TCVN 13832:2023	Theo Khoản 6.1 TCVN 13832:2023	
		3. Tính chất	Theo Khoản 5.4 TCVN 13832:2023	Theo Khoản 6.2 TCVN 13832:2023	
		4. Ngoại quan	Theo Khoản 5.5, 5.6, 5.7, 5.8 TCVN 13832:2023	Theo Khoản 6.3 TCVN 13832:2023	
9	Thiết bị bảo vệ đầu trong Wushu Sanda	1. Kích cỡ và kích thước	Theo Khoản 5.1 TCVN 13317-9:2023	Theo Khoản 6.1 TCVN 13317-9:2023	9506.91.00
		2. Đường may và ngoại quan	Theo Khoản 5.3, 5.4 TCVN 13317-9:2023	Theo Khoản 6.2 TCVN 13317-9:2023	
		3. Vật liệu	Theo Khoản 5.2, 5.5 TCVN 13317-9:2023	Theo Khoản 6.3 TCVN 13317-9:2023	
		4. Chất lượng	Theo Khoản 5.5 TCVN 13317-9:2023	Theo Khoản 6.3 TCVN 13317-9:2023	
		5. Tính năng chống va đập	Theo phụ lục A TCVN 13317-9:2023	Theo phụ lục A TCVN 13317-9:2023	

3. QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ

3.1 Điều kiện lưu thông trên thị trường

Các trang thiết bị bảo vệ trong võ thuật thuộc phạm vi của quy chuẩn kỹ thuật này phải công bố hợp quy phù hợp với các quy định kỹ thuật tại Mục 2 của quy chuẩn kỹ thuật này, gắn dấu hợp quy (dấu CR) và ghi nhãn hàng hóa trước khi lưu thông trên thị trường và chịu sự kiểm tra trên thị trường của cơ quan kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

3.2 Quy định về chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy

3.2.1 Công bố hợp quy

Việc công bố hợp quy trang thiết bị bảo vệ trong võ thuật phải dựa trên kết quả chứng nhận của tổ chức chứng nhận đã đăng ký lĩnh vực hoạt động theo quy định tại Nghị định 107/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp (sau đây viết tắt là Nghị định số 107/2016/NĐ-CP), Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành (sau đây viết tắt là Nghị định số 154/2018/NĐ-CP) hoặc được thừa nhận theo quy định của Thông tư số 27/2007/TT-BKHCN ngày 31/10/2007 của Bộ Khoa học

và Công nghệ hướng dẫn việc ký kết và thực hiện các Hiệp định và thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau kết quả đánh giá sự phù hợp (sau đây viết tắt là Thông tư số 27/2007/TT-BKHCHN).

3.2.2 Chứng nhận hợp quy

Việc chứng nhận hợp quy cho các sản phẩm, hàng hóa trang thiết bị bảo vệ trong võ thuật nêu ở Bảng 1 Phần 2 của Quy chuẩn này được thực hiện theo phương thức 5 và phương thức 7 quy định tại Thông tư số 28/2012/TT-BKHCHN ngày 12 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về Công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và Phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật (sau đây gọi tắt là Thông tư số 28/2012/TT-BKHCHN) và Thông tư số 02/2017/TT-BKHCHN ngày 31 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2012/TT-BKHCHN (sau đây gọi tắt là Thông tư số 02/2017/TT-BKHCHN), cụ thể như sau:

a) Đối với trang thiết bị bảo vệ trong võ thuật sản xuất trong nước:

- Chứng nhận hợp quy theo Phương thức 5 “Thử nghiệm mẫu điển hình và đánh giá quá trình sản xuất; giám sát thông qua thử nghiệm mẫu lấy tại nơi sản xuất hoặc trên thị trường kết hợp với đánh giá quá trình sản xuất” tại cơ sở sản xuất trang thiết bị bảo vệ trong võ thuật.

Hoặc:

- Chứng nhận hợp quy theo Phương thức 7: Thử nghiệm mẫu đại diện, đánh giá sự phù hợp của lô sản phẩm, hàng hóa tại cơ sở sản xuất trang thiết bị bảo vệ trong võ thuật trong trường hợp cơ sở sản xuất không thể áp dụng các yêu cầu đảm bảo chất lượng theo Phương thức 5.

b) Đối với trang thiết bị bảo vệ trong võ thuật nhập khẩu:

- Chứng nhận hợp quy theo Phương thức 7: Thử nghiệm mẫu đại diện, đánh giá sự phù hợp của lô sản phẩm, hàng hóa đối với từng lô trang thiết bị bảo vệ trong võ thuật nhập khẩu trong trường hợp lô trang thiết bị bảo vệ trong võ thuật chưa được chứng nhận hợp quy theo Phương thức 5 quy định tại quy chuẩn kỹ thuật này.

Hoặc:

- Chứng nhận hợp quy theo Phương thức 5 tại cơ sở sản xuất ở nước ngoài khi có yêu cầu từ phía cơ sở sản xuất nước ngoài theo quy định tại điểm a) mục 3.2.

c) Thử nghiệm phục vụ việc chứng nhận phải được thực hiện bởi tổ chức thử nghiệm được chỉ định theo quy định của Nghị định số 107/2016/NĐ-CP, Nghị định số 154/2018/NĐ-CP hoặc được thừa nhận theo quy định của Thông tư số 27/2007/TT-BKHCHN. Phạm vi thử nghiệm của tổ chức thử nghiệm phải đáp ứng các yêu cầu quy định của quy chuẩn kỹ thuật này.

d) Hiệu lực của Giấy chứng nhận hợp quy có giá trị không quá 3 năm.

3.3 Sử dụng dấu hợp quy Dấu hợp quy phải tuân thủ theo Khoản 2 Điều 4 của “Quy định về chứng nhận hợp chuẩn, chứng nhận hợp quy và công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy” ban hành kèm theo Thông tư số 28/2012/TT-BKHCHN.

3.4 Trình tự, thủ tục và hồ sơ công bố hợp quy

Trình tự, thủ tục và hồ sơ công bố hợp quy đối với trang thiết bị bảo vệ trong võ thuật sản xuất trong nước và nhập khẩu thực hiện theo Thông tư số 28/2012/TT-BKHCHN và Thông tư số 02/2017/TT-BKHCHN.

4. CHỈ ĐỊNH TỔ CHỨC CHỨNG NHẬN HỢP QUY, TỔ CHỨC THỬ NGHIỆM

4.1. Hoạt động chỉ định tổ chức chứng nhận hợp quy, tổ chức thử nghiệm sản phẩm, hàng hóa trang thiết bị bảo vệ trong võ thuật được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 74/2018/NĐ-CP và Nghị định số 154/2018/NĐ-CP.

4.2. Các tổ chức thử nghiệm, tổ chức chứng nhận có Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đánh giá sự phù hợp về thử nghiệm, chứng nhận theo quy định tại Nghị định số 107/2016/NĐ-CP, Nghị định số 154/NĐ-CP, Nghị định số 62/2016/NĐ-CP và có năng lực đáp ứng yêu cầu về thử nghiệm, chứng nhận đối với trang thiết bị bảo vệ trong võ thuật phù hợp với quy định tại QCVN xxx: 2023/BVHTTDL, lập hồ sơ đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xem xét, chỉ định là tổ chức chứng nhận hợp quy, tổ chức thử nghiệm.

5. TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG CHỨNG NHẬN HỢP QUY VÀ CÔNG BỐ HỢP QUY

5.1. Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường - Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm:

- a) Hướng dẫn hoạt động chứng nhận hợp quy;
- b) Tổ chức xây dựng, soát xét, sửa đổi, bổ sung quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trang thiết bị bảo vệ trong võ thuật;
- c) Chủ trì, phối hợp với Cục Thể dục thể thao và Sở Văn hóa, thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa và Thể thao các tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương kiểm tra, đánh giá năng lực và đề xuất Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành quyết định chỉ định và công bố các tổ chức chứng nhận hợp quy, tổ chức thử nghiệm;
- d) Gửi 01 bản quyết định chỉ định cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa và Thể thao các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi đặt trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện của tổ chức chứng nhận hợp quy để phối hợp theo dõi, quản lý;
- đ) Tiếp nhận Hồ sơ miễn giảm kiểm tra chất lượng hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu của các tổ chức, cá nhân và có văn bản xác nhận hoặc từ chối miễn kiểm tra theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định số 154/2018/NĐ-CP;
- e) Theo dõi, tổng hợp tình hình hoạt động của các tổ chức chứng nhận hợp quy, tổ chức thử nghiệm;
- g) Phối hợp với Cục Thể dục thể thao theo dõi, tổng hợp, kiểm tra tình hình hoạt động công bố hợp quy của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

5.2. Cục Thể dục thể thao – Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm:

- a) Phối hợp với Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường tổ chức xây dựng, soát xét, sửa đổi, bổ sung quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trang thiết bị bảo vệ trong võ thuật; kiểm tra, đánh giá năng lực, đề xuất Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ra quyết định chỉ định và công bố các tổ chức chứng nhận hợp quy, tổ chức thử nghiệm; xem xét miễn giảm kiểm tra chất lượng hàng hóa nhóm 2;
- b) Kiểm tra tình hình hoạt động của các tổ chức chứng nhận hợp quy, tổ chức thử nghiệm;
- c) Theo dõi, tổng hợp, kiểm tra tình hình hoạt động công bố hợp quy của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

5.3. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Sở Văn hóa và Thể thao các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm:

- a) Tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy của tổ chức, cá nhân đối với trang thiết bị bảo vệ trong võ thuật;

b) Quản lý, thanh tra, kiểm tra các hoạt động chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy đối với trang thiết bị bảo vệ trong võ thuật trên địa bàn;

c) Tổng hợp tình hình hoạt động chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy và gửi báo cáo về Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch theo định kỳ hàng năm hoặc đột xuất theo yêu cầu của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

5.4. Tổ chức chứng nhận hợp quy có trách nhiệm:

a) Định kỳ sáu tháng, hàng năm hoặc đột xuất theo yêu cầu, gửi báo cáo bằng văn bản về kết quả hoạt động chứng nhận hợp quy về Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Sở Văn hóa và Thể thao địa phương và Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

b) Trường hợp đình chỉ hoặc thu hồi giấy chứng nhận hợp quy đã cấp, gửi văn bản báo cáo về Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Sở Văn hóa và Thể thao để theo dõi, quản lý.

c) Khi có thay đổi ảnh hưởng tới năng lực hoạt động chứng nhận hợp quy đã đăng ký thì thông báo cho Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Sở Văn hóa và Thể thao các tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương nơi đặt trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện của tổ chức chứng nhận hợp quy trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày có sự thay đổi.

d) Tổ chức chứng nhận hợp quy phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc miễn giảm kiểm tra chất lượng hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu của các tổ chức, cá nhân.

5.5. Các tổ chức, cá nhân công bố hợp quy có trách nhiệm tuân thủ các quy định tại Thông tư số 28/2012/TT-BKHHCN và Thông tư số 02/2017/TT-BKHHCN.

5.6. Tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu, kinh doanh trang thiết bị bảo vệ trong võ thuật phải đảm bảo chất lượng phù hợp với quy định của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

5.7. Tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu, kinh doanh trang thiết bị bảo vệ trong võ thuật phải đảm bảo yêu cầu quy định tại Điều 2 và thực hiện quy định tại Điều 3 của quy chuẩn kỹ thuật này.

5.8. Tổ chức, cá nhân sản xuất trang thiết bị bảo vệ trong võ thuật sau khi được chứng nhận hợp quy phải đăng ký bản công bố hợp quy tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền nơi đăng ký kinh doanh theo quy định tại Thông tư số 28/2012/TT-BKHHCN và Thông tư số 02/2017/TT-BKHHCN.

5.9. Tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu trang thiết bị bảo vệ trong võ thuật có trách nhiệm cung cấp các bằng chứng về sự phù hợp của sản phẩm với quy chuẩn kỹ thuật này khi có yêu cầu hoặc khi được kiểm tra theo quy định đối với hàng hóa lưu thông trên thị trường.

5.10. Tổ chức, cá nhân phân phối, bán lẻ phải bảo đảm chất lượng sản phẩm, hàng hoá đã được chứng nhận hợp quy và có gắn dấu hợp quy và nhãn phù hợp với các quy định hiện hành.

6. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

6.1 Cục Thể dục thể thao có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan quản lý chức năng có liên quan hướng dẫn và tổ chức việc thực hiện Quy chuẩn kỹ thuật này.

6.2 Căn cứ vào yêu cầu quản lý, Cục Thể dục thể thao có trách nhiệm kiến nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường) sửa đổi, bổ sung nội dung Quy chuẩn kỹ thuật này phù hợp với thực tiễn.

6.3 Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật viện dẫn tại quy chuẩn kỹ thuật này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản hiện hành.

QCVN :202x/BVHTTDL

Trường hợp các tiêu chuẩn, mã HS viện dẫn tại quy chuẩn kỹ thuật này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo hướng dẫn của Cục Thể dục thể thao./.